

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 14/7/2022
V/v tranh chấp “*Tranh chấp
hợp đồng dân sự vay tài sản và
kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Nhân
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Duy Toàn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 23/2022/TLST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và kiện đòi tài sản,*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị V**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 02 đường Đ, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1978 và ông **Trần Văn Ng**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số nhà 189/15C đường N, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Công Th**, sinh năm 1962 và bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số nhà 320 đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Người làm chứng:* Bà **Hồ Thị Lưu L**, sinh năm 1993

Địa chỉ: đường Lê Thị Riêng, xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn bà V có mặt; bị đơn bà L, ông Ng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th, bà L, người làm chứng chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Vinh trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 09/8/2021 bà V có cho bà Mai Thị L và ông Trần Văn Ng vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu). Việc vay tiền hai bên có lập giấy tờ viết tay, bà L và ông Ng có ký, ghi họ tên phía dưới giấy mượn tiền, lãi suất không thỏa thuận trong giấy, thời hạn thanh toán nợ ghi trong giấy là 05 ngày. Hết thời hạn thanh toán tiền bà V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà L trả tiền nhưng bà L khất nợ nói cứ để cho bà vay số tiền đó và sẽ trả lãi cho bà V. Quá trình vay tiền bà L có 02 lần trả lãi cho bà V với tổng số tiền là 16.000.000 đồng nhưng sau đó không trả tiền gốc và lãi mặc dù bà V đã đòi nhiều lần nên bà V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị L và ông Trần Văn Ng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu), không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, sau đó đến ngày 30/3/2022 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay bà V thống nhất thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc bà Mai Thị L có trách nhiệm phải trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Trần Văn Ng cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà Mai Thị L trả nợ vay là 200.000.000 đồng.

Ngoài số tiền nêu trên bà V còn khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu) theo “Giấy xác nhận trả tiền” đề ngày 26/10/2021. Về nguồn gốc số tiền này là tiền của bà V cho ông Nguyễn Công Th, bà Trần Thị Thanh L vay, sau đó bà V có nhờ bà L đòi nợ của ông Th, bà L cho bà nhưng từ khi lấy được tiền nợ của ông Th, bà L thì bà L không trả số tiền trên cho bà V nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho bà.

Tổng số tiền bà V yêu cầu bà L có trách nhiệm trả là 325.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Mai Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L có bản trình bày thể hiện ý kiến như sau:

Bà thừa nhận vào ngày 09/8/2021 bà có mượn của bà V số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu), thời hạn mượn 05 ngày, chữ ký và ghi rõ họ tên Mai Thị L trong giấy mượn tiền đề ngày 09/8/2021 là do bà trực tiếp ký và ghi họ tên. Ngoài ra bà L còn trình bày về chữ ký, ghi rõ họ tên của ông Trần Văn Ng trong giấy mượn tiền đề ngày 09/8/2021 không phải là chữ ký, ghi rõ họ tên do ông Ng trực tiếp ký mà là do bà tự ký thay cho ông Ng, việc bà vay tiền của bà V thì ông Ng không biết. Hết thời hạn mượn tiền bà đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên là 16.500.000 đồng cho bà V. Do là chỗ quen biết nên khi trả tiền bà không lập văn bản nên không có tài liệu chứng cứ để giao nộp cho Tòa án cũng không có ai làm chứng. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V vì đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho bà V rồi.

Đối với số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) bà V có nhờ bà lấy nợ của ông Th, bà L thì bà thừa nhận hiện đang giữ số tiền trên chưa trả cho bà V nên nay bà đồng ý có trách nhiệm trả cho bà V số tiền này.

Bị đơn ông Trần Văn Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Ng có bản trình bày thể hiện ý kiến như sau:

Ông không cùng bà L vay tiền của bà V, việc bà L có vay tiền của bà V hay không ông không biết, chữ ký và ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền đề ngày 09/8/2021 không phải là chữ ký, ghi rõ họ tên của ông ký, ông cũng không yêu cầu giám định chữ ký, ghi họ tên Trần Văn Ng trong giấy vay tiền đề ngày 09/8/2021. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V ông không đồng ý có trách nhiệm cùng bà L liên đới trả tiền cho bà V. Còn số tiền bà V kiện bà L là 125.000.000 đồng ông không có liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Th, bà Trần Thị Thanh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày trong hồ sơ như sau:

Vào đầu năm 2021 vợ chồng ông, bà có vay của bà V số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), đến khoảng tháng 07/2021 thì bà Mai Thị L có đến đòi nợ thay cho bà V. Do được sự đồng ý của bà V nên ông, bà đã trả nợ cho bà V số tiền là 145.000.000 đồng thông qua bà Mai Thị L. Thời điểm trả tiền giữa ông Th và bà L không lập giấy tờ gì nên sau này bà V có yêu cầu giữa 03 bên phải có giấy tờ xác nhận việc trả tiền nêu trên thì ngày 26/10/2021 ông mới viết giấy xác nhận đã trả tiền và giao cho bà V giữ. Việc viết giấy xác nhận có mặt ông, bà V và bà L cùng xác nhận nội dung ông trả tiền cho bà V, do trước đó bà V đã lấy số tiền 20.000.000 đồng từ bà L nên bà L chỉ còn giữ của bà V số tiền là 125.000.000 đồng và nội dung giấy xác nhận trả nợ ông ghi cũng thể hiện việc ông đã trả cho bà V số tiền 125.000.000 đồng thông qua bà L. Còn việc khởi kiện giữa bà V với bà L ông, bà không biết nên không có ý kiến gì.

Người làm chứng chị Hồ Thị Lưu L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Chị là người mua nhà của bị đơn (bà L), khi chị và bị đơn tiến hành công chứng hợp đồng mua nhà thì mẹ, con nguyên đơn có đến đòi tiền của bị đơn tại phòng công chứng, cụ thể số tiền đòi bao nhiêu thì chị không biết nhưng thời gian nguyên đơn đòi tiền bị đơn là cuối tháng 01/2022 và bị đơn có hẹn nguyên đơn đến ngày 28/02/2022 (là ngày chị giao tiền mua nhà cho bà L) sẽ thanh toán hết tiền nợ cho mẹ con nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án vào ngày 11/5/2022 nhưng không Th, sau đó bà V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án nữa.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị V thống nhất rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Trần Văn Ng cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Mai Thị L đối với số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Còn đối với các yêu cầu khác bà giữ nguyên, không thay đổi, bổ sung gì.

Bị đơn bà Mai Thị L, ông Trần Văn Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Th, bà Trần Thị Thanh L, người làm chứng chị Hồ Thị Lưu L vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

+ Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V. Buộc bà Mai Thị L phải trả cho bà Phan Thị V số tiền vay là 200.000.000 đồng và số tiền đang giữ của bà V là 125.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc ông Trần Văn Ng cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Mai Thị L; về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị V đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Th, bà Trần Thị Thanh L, người làm chứng chị Hồ Thị Lưu L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Mai Thị L, ông Trần Văn Ng mặc dù đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà L, ông Ng vẫn không tham dự phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị V thống nhất rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Trần Văn Ng cùng chịu trách nhiệm trả nợ vay 200.000.000 đồng với bà Mai Thị L tại giấy vay tiền viết tay đề ngày 09/8/2021 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà V.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thị V khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị L trả số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng và kiện đòi số tiền 125.000.000 đồng. Bị đơn bà Mai Thị L có hộ khẩu thường trú tại Số nhà 189/15C đường N, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và kiện đòi tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và việc cho vay tiền diễn ra vào ngày 09/8/2021, việc nhờ đòi tiền hộ cũng diễn ra trong năm 2021, nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Mai Thị L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng và đòi bị đơn trả số tiền 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn giao nộp 01 giấy mượn tiền đề ngày 09/8/2021 (bản chính) và 01 giấy xác nhận trả tiền đề ngày 26/10/2021 (bản chính).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền vay thì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 09/8/2021 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng là có thật. Ngoài ra, bị đơn đang giữ số tiền 125.000.000 đồng chưa trả cho nguyên đơn và chữ ký của bị đơn trong 02 tờ giấy nêu trên là do bị đơn trực tiếp ký, ghi họ tên. Như vậy đây được coi là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS năm 2015.

Quá trình làm việc bị đơn bà L trình bày hết thời hạn vay bà đã trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 16.500.000 đồng. Xét việc bà L không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn thì bà L phải có nghĩa vụ chứng minh cho ý kiến của mình. Tuy nhiên, bà L chỉ có lời khai mà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai này nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, người làm chứng để xác định việc bà L chưa trả số tiền vay này cho bà V là có căn cứ vì vậy việc bà V yêu cầu bà L trả số tiền vay 200.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền bà V kiện đòi bà L thì thấy rằng: Trong năm 2021 nguyên đơn có nhờ bị đơn đòi hộ số nợ từ ông Th, bà L trước đó có nợ nguyên đơn, sau khi đòi được tiền nợ thì bị đơn chưa trả cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền này. Quá trình làm việc bị đơn bà L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th, bà L cũng thừa nhận bị đơn có đi đòi nợ giúp nguyên đơn và đã lấy được số tiền 145.000.000 đồng, sau đó bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng và bị đơn còn giữ lại của nguyên đơn số tiền 125.000.000 đồng đến nay chưa trả. Quá trình làm việc bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nên cần ghi nhận.

Về lãi suất: Căn cứ vào giấy mượn tiền và giấy xác nhận trả tiền do nguyên đơn xuất trình thì giữa hai bên không có thỏa thuận về lãi suất nhưng trên thực tế đối với số tiền vay thì nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất bằng miệng nhưng việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên không rõ ràng. Mặt khác, trong vụ án này nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền nợ vay. Riêng số tiền lãi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn thì thấy rằng lời khai của nguyên đơn và bị đơn không trùng khớp về số tiền lãi đã trả, còn đối với số tiền nguyên đơn đòi bị đơn trả thì bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 3.000.000 đồng, lời khai này của bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi vay, còn bị đơn không có ý kiến gì về số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với việc cho vay tiền giữa nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Th, bà L các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phan Thị V được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 105; Điều 166; Điều 194; Điều 274; Điều 275; Điều 276; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị V về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn bà Mai Thị L.

2. Buộc bà Mai Thị L có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị V số tiền 325.000.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V về việc yêu cầu ông Trần Văn Ng liên đới cùng với bà Mai Thị L trả nợ vay cho bà Phan Thị V.

4. Về án phí: Buộc bà Mai Thị L phải chịu 16.250.000đ (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị V số tiền 8.125.000đ (tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004860 ngày 23/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)
Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Nhân Nguyễn Thị Kim Huế

Lê Thị Hòa

